

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-9-2024.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng và ông Nguyễn Đình Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 214/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị L - sinh năm: 1985; nơi thường trú: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Số D đường Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049185016844, cấp ngày: 26/4/2022 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H - sinh năm: 1979; nơi thường trú: Tổ E, thôn D, xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Số G đường L, tổ B, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 049079010704, cấp ngày: 25/4/2022 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2024, bản tự khai ngày 07/8/2024 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày:

Bà Trương Thị L và ông Huỳnh Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào ngày 09/4/2013 (số đăng ký: 36/2013, quyển số: 01/2013). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2022 thì về sống tại số G đường L, tổ B, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H không chăm lo làm ăn chăm sóc vợ con, chơi bài bạc và bạo lực gia đình. Đỉnh điểm là vào ngày 21/6/2024, ông H

đánh đập bà L nên bị Công an xã H, huyện H lập biên bản và bị xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, bà L và ông H không còn tiếp tục sống chung, mỗi người sống một nơi. Nay bà L xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung, bà L xác định vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Hoàng T - sinh ngày: 02/01/2014. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung, bà L xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H không trình bày ý kiến, không đến Toà án để tham gia tố tụng dù đã được Toà án cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tuy nhiên, nguyên đơn có đơn yêu cầu Toà án không tiến hành hoà giải nhưng Thẩm phán không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án:* Căn cứ các Điều 51, 56, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trương Thị L được ly hôn ông Huỳnh Văn H, giao con chung tên Huỳnh Hoàng T cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; ông H không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Buộc bà L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Trương Thị L và ông Huỳnh Văn H đã tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/4/2013 (số đăng ký: 36/2013, quyển số: 01/2013). Bị đơn ông Huỳnh Văn H hiện đang cư trú tại xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, bà Trương Thị L có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Huỳnh Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, bà Trương Thị L rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Huỳnh Văn H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc rút yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Trong vụ án này, bà Trương Thị L cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con chung, căn cước công dân của bà L và ông H, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2291/QĐ-XPVPHC ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng. Các tài liệu, chứng cứ này ông H đều đã biết. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H không đến Tòa án, từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ là không cần thiết, chỉ kéo dài thời gian giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L; việc không mở phiên họp không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[6] *Về nội dung giải quyết:* Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị L và ông Huỳnh Văn H là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn nên không tiếp tục sống chung với nhau. Theo bà L khai nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống mỗi người một nơi cho đến nay là do ông H không chăm lo làm ăn chăm sóc vợ con, chơi bài bạc và bạo lực gia đình. Việc ông H bạo lực gia đình, xâm phạm sức khoẻ bà L đã bị Công an xã H lập biên bản và bị xử phạt hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2291/QĐ-XPVPHC ngày 22/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện H, thành phố Đà Nẵng.

[7] Qua xác minh tại địa phương nơi bị đơn đang cư trú vào ngày 26/7/2024 thể hiện: Ông H và bà L trước đây có sống chung tại số G đường L, tổ B, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; vợ chồng có xảy ra đánh nhau và bị chính quyền địa phương xử lý hành chính; hiện nay bà L không còn sống chung với ông H tại địa phương; ông H đi làm xa thỉnh thoảng có về. Như vậy, lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, sự mâu thuẫn giữa hai bên là đúng sự thật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà L kiên quyết xin được ly hôn, còn ông H không đến Tòa án, điều này thể hiện bị đơn không còn mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đời sống hôn nhân của các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Xét thấy yêu cầu ly hôn của bà L phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật

Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L ly hôn ông H, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[8] *Về nuôi dưỡng con chung*: Bà L và ông H có 01 con chung tên Huỳnh Hoàng T - sinh ngày: 02/01/2014, hiện nay đang được bà L trực tiếp chăm sóc và phát triển bình thường. Bà L mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, nên để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định cho phát triển của cháu T, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của cháu T, đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[9] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Tại phiên toà, bà Trương Thị L không yêu cầu ông Huỳnh Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản đối với bên thứ ba*: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L xác nhận trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ tài sản gì đối với bên thứ ba. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trường hợp nếu có tranh chấp thì các bên được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[11] *Về án phí*: Bà L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L đối với ông Huỳnh Văn H về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị L ly hôn ông Huỳnh Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Hoàng T - sinh ngày: 02/01/2014 cho bà Trương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Văn H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trương Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002209 ngày 25/7/2024

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng; như vậy, bà L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/9/2024). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hoà Vang;
- CCTHADS huyện Hoà Vang;
- UBND xã S, H. Đ
tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn